TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐXX-ST ngày 15/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị M sinh năm 1975; số CCCD: 031175018970; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Minh T sinh năm 1975; số CCCD: 091075004759; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện A năm 1999. Sau khi kết hôn sinh sống tại xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu thì tình cảm vợ chồng bình thường; sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không dung hòa được. Nay hai bên không quan tâm đến nhau và

không còn tình cảm với nhau nữa; đã sống ly thân nhau từ năm 2024. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh Đ sinh ngày 23/02/2000 và Hoàng Minh T1 sinh ngày 28/9/2010. Khi ly hôn, bà M nhận nuôi con Hoàng Minh T1; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Con Hoàng Minh Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không ai phải nuôi.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Hoàng Minh T; về con chung, giao con Hoàng Minh T1 cho bà M nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông T được UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/1999 nên hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống do tính cách không hợp và ly thân nhau. Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[4] Về con chung: Bà M, ông T có con như bà M trình bày ở trên là đúng. Việc bà M nhận trách nhiệm nuôi con Hoàng Minh T1 là phù hợp với thực tế nuôi dưỡng con, bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng được ở với mẹ của cháu T1 nên chấp nhận. Con Hoàng Minh Đ đã trưởng thành, không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Bà M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227, các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Hoàng Minh T.

Về con chung: Giao con Hoàng Minh T1 sinh ngày 28/9/2010 cho bà Phạm Thị M trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 4566 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà M đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường An Hải, TP Hải Phòng (ĐKKH năm 1999;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng